

國會

編號：107/2023/QH15

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

河內市，2023年11月29日

決議

關於依照防止全球稅基侵蝕規定徵收額外的營業所得稅

國會

根據越南社會主義共和國之憲法；

根據獲第65/2020/QH14號法規修改、補充若干條款之第57/2014/QH13號國會組織法；

根據獲第63/2020/QH14號法規修改、補充若干條款之第80/2015/QH13號法律法規頒行法；

議決：

第一條：調整範圍

本決議規定關於依照防止全球稅基侵蝕規定對納稅人徵收額外的營業所得稅。

第二條：納稅人

1. 跨國集團的組成單位，其適用年度前四年中，母公司合併財務報表之年營業額至少有兩個年度須達到或超過7.5億歐元（EUR），一下情況除外：

- a) 政府組織；
- b) 國際組織；
- c) 非營利組織；
- d) 退休基金；
- d) 投資基金為最終母公司；
- e) 不動產投資組織為最終母公司；
- g) 直接或通過本款從第a點至第e點規定的組織間接持有至少85%資產價值之組織。

2. 政府詳細規定此條款。

第三條：詞語解釋

在本決議中，以下詞語獲解釋如下：



1. 防止全球稅基侵蝕規定是指本決議各規定以及符合越南為成員的稅基侵蝕與利潤移轉行動計劃的全球最低稅負制規定（以下簡稱為全球最低稅負制）之政府規定。
2. 集團是指下列情況之一：
 - a) 透過所有或控制而存在關聯關係的公司和組織的集合，這些公司的資產、應付債款、營業額、費用和現金流量將列入最終母公司合併財務報表中，這些公司、組織因規模、重要因素而從合併財務報表中排出或被持有以出售；
 - b) 駐在一個國家並在另一個國家有一個或多個常駐機構的公司，前提是該公司不是另一集團的公司、組織。
3. 跨國集團是指在最終母公司所在國擁有至少一個組成單位或非居民常駐機構的集團。
4. 最終母公司是指跨國公司所屬的公司，對跨國公司旗下的其他公司、組織擁有直接或間接控制權和所有權，且不被其他公司、組織控制、擁有，且最終母公司的合併財務報表不得合併到全球其他公司、組織的任何財務報表中。
5. 中間母公司是指跨國公司的一個組成單位（最終母公司、部分持有的母公司、常駐機構或投資公司除外）直接或間接持有同一跨國公司內另一個組成單位的所有權。
6. 部分持有的母公司是指跨國公司的組成單位（不是最終母公司、常駐機構或投資公司）並符合以下條件：
 - a) 直接或間接持有同一跨國公司內另一個組成單位的所有權；
 - b) 20% 以上的利潤分配權由該跨國公司組成單位以外的公司、組織直接或間接持有。
7. 跨國公司的組成單位是指該集團所屬的任何公司、組織以及該集團所屬的公司、組織的任何常駐機構，包括：
 - a) 最高母公司；
 - b) 中間母公司（如有）；
 - c) 部分持有的母公司（如有）；
 - d) 集團所屬的其他公司、組織、單位及經營單位。
8. 低稅負國家是指跨國公司在會計年度依全球最低稅負制具有淨收入且其實際稅率低於最低稅率的國家。
9. 低稅負組成單位是指居住在低稅負國家的跨國公司的組成單位或無國籍組成單位，在會計年度依全球最低稅負制具有收入且其實際稅率低於最低稅率。

10. 合併財務報表是指：

- a) 財務報表由公司依照經公認財務會計準則編制，其中，該公司以及該公司控制的其他公司的資產、應付債款、費用及現金流量以單已經寄單位的報告形式呈現；
- b) 若公司為本條第2款第b點規定的集團，則合併財務報表為公司依經公認財務會計準則編制的財務報表；
- c) 若最終母公司的本條第a點、第b點規定的財務報表不是根據經公認財務會計準則編制的，則合併財務報表是指獲調整以消除任何重大差異的財務報表；
- d) 若最終母公司未編制本條第a、b、c點規定的財務報表，則最終母公司的合併財務報表是指按照適用的財務會計準則編制的報告，包括經公認財務會計準則、或被調整以消除任何重大差異的其他財務會計準則。

11. 經公認的財務會計準則包括國際財務報告準則 (IFRS) 以及澳洲、巴西、加拿大、歐盟成員國、歐洲經濟區成員國、中國香港、日本、墨西哥、紐西蘭、中國、印度、韓國、俄羅斯、新加坡、瑞士、英國和美國所公認的會計準則。

12. 適用的財務會計準則是普遍接受，並獲組成單位總部所在國的審權會計機構允許適用的一套會計原則。

13. 每個組成單位的收入或虧損是根據全球最低稅負制的規定對該組成單位的財務年度確定的淨收入或虧損。

14. 一個國家的平均營業額、收入或虧損是指根據全球最低稅負制的規定確定的該國 03 年（包括本財務年度和前 2 年）的營業額、收入或虧損的平均值。

15. 財務年度內在一個國家的營業額是指根據全球最低稅負制的規定在該國的所有組成單位在財務年度內的總營業額。

16. 財務年度內在一個國家的收入或虧損是指根據全球最低稅負制在該國的淨收入或虧損。

17. 組成單位的居住地獲確定如下：

- a) 若根據管理地點、設立地點或類似標準，組成單位是某國的稅務居住對象，則該組成單位被視為在該國居住；
- b) 在其他情況下，組成單位被視為在其成立所在國居住。

第四條：合格國內最低補足稅的規定 (QDMTT)

1. 本決議第2條規定的跨國公司的組成單位或組成單位集合，若在會計年度內在越南境內從事生產經營活動，則必須適用合格國內最低補足稅的規定。



若在越南的組成單位或組成單位集合根據越南全球最低稅負制和實際稅率取得的收入低於最低稅率，則在越南的合格國內最低補足稅依本條第2款、第9款的規定確定。

2. 合格國內最低補足稅稅額依下列公式確定：

合格國內最低補足稅稅額 = (補足稅比例 × 補足稅應課稅利潤) + 當年調整後的補足稅稅額 (如有)。

3. 補足稅比例依下列公式確定：

補足稅比例 = 最低稅率 - 實際稅率。

4. 最低稅率為15%。

5. 越南的實際稅率以每個會計年度計算，並根據以下公式確定：

$$\text{越南實際稅率} = \frac{\text{財務年度內經調整的在越南組成單位的適用範圍內的越南營業所得稅總額}}{\text{根據全球最低稅負制，本財務年度在越南的淨收入}}$$

6. 補足稅應課稅利潤依下列公式確定：

補足稅應課稅利潤 = 依全球最低稅負制取得的淨收入 - 依全球最低稅負制扣除的有形資產和薪資的價值。

7. 全球最低稅負制的淨收入依下列公式決定：

全球最低稅負制淨收入 = 所有組成單位的全球最低稅負制的收入 - 所有組成單位的全球最低稅負制的虧損。

8. 在確定補足稅應課稅利潤時，根據全球最低稅負制規定扣除的有形資產和薪資的價值，是指相當於在越南所有組成單位年平均有形資產總價值的5%和在越南所有組成單位薪資總額的5%之價值。2024年起過渡期內，有形資產和薪資的價值根據隨附本議定的附錄所規定的比例按每年扣除。

9. 若組成單位或組成單位集合在相關財務年度同時滿足以下條件，則該財務年度的合格國內最低補足稅稅額將被確定為零：

a) 根據越南全球最低稅負制規定，平均營業額低於 1000 萬歐元；

b) 根據越南全球最低稅負制規定，平均收入低於 100 萬歐元或虧損。

每年，若滿足本條規定的條件，組成單位可以選擇適用或不適用0（零）的合格國內最低補足稅。



10. 政府詳細規定本條。

第五條：最低應稅收入綜合規定 (IIR)

1. 本決議第2條規定的組成單位，並在財務年度內的任何時間直接或間接持有全球最低稅負制規定的國外低稅負組成單位的所有權之越南最終母公司、部分持有的母公司、中間母公司，必須根據最低應稅收入綜合規定申報和繳納等於國外低稅負組成單位在財務年度內從全球最低稅負制補足稅中分攤的稅款，除非補足稅在另一個根據全球最低稅負制規定的稅收優先順序優先適用合格最低應稅收入綜合規定的國家繳納的。

2. 一個國家的補足稅總額依下列公式確定：

一個國家的補足稅總額 = (補足稅比例 × 補足稅應課稅利潤) + 當年調整後的補足稅稅額 (如有) - 合格國內最低補足稅 (如有)。

3. 補足稅比例依下列公式確定：

補足稅比例 = 最低稅率 - 實際稅率。

4. 最低稅率為15%。

5. 一個國家的實際稅率以每個會計年度計算，並根據以下公式確定：

$$\text{一個國家的實際稅率} = \frac{\text{財務年度內經調整的在該國家的組成單位的適用範圍內的在該國家的營業所得稅總額}}{\text{根據全球最低稅負制，本財務年度在該國家的淨收入}}$$

6. 補足稅應課稅利潤依本決議第4條第6款的規定確定。

7. 根據全球最低稅負制在一個國家的淨收入依本決議第4條第7款的規定確定。

8. 在確定補足稅應課稅利潤時，根據全球最低稅負制規定扣除的有形資產和薪資的價值，是指相當於在一個國家的所有組成單位年平均有形資產總價值的5%和在一個國家的所有組成單位薪資總額的5%之價值。2024年起過渡期內，有形資產和薪資的價值根據隨附本議定的附錄所規定的比例按每年扣除。

9. 合格國內最低補足稅稅額是指財務年度內一個國家合格國內最低補足稅規定的應納稅額。

10. 在該國依全球最低稅負制規定計算淨收入時已包含之在財務年度內在一個國家有全球最低稅負制收入之組成單位之補足稅根據以下公式確定：



$$\text{組成單位補足稅} = \frac{\text{在一個國家的補足稅總額}}{\text{該國所有組成單位的全球最低稅負制總收入}} \times \frac{\text{該組成單位的全球最低稅負制收入}}{\text{該國所有組成單位的全球最低稅負制總收入}}$$

11. 從低稅負組成單位的補足稅中分配給母公司的稅金等於低稅負組成單位依全球最低稅負制的補足稅乘以低稅負組成單位在財務年度內對母公司的分配率。組成單位對母公司的分配率獲確定如下：

$$\text{財務年度內，低稅負組成單位對母公司的分配率} = \frac{\text{低稅負組成單位在本年度內的全球最低稅負制收入} - \text{依其他所有者持有的所有權分配的收入}}{\text{低稅負組成單位在財務年度內的全球最低稅負制收入}}$$

12. 若組成單位或組成單位集合在相關財務年度同時滿足以下條件，則該財務年度的一個國家補足稅稅額將被確定為零：

- a) 根據該國全球最低稅負制規定，平均營業額低於 1,000 萬歐元；
- b) 根據該國全球最低稅負制規定，平均收入低於 100 萬歐元或虧損。

每年，若滿足本條規定的條件，組成單位可以選擇適用或不適用 0（零）的合格國內最低補足稅。

13. 政府詳細規定本條。

第六條：稅務的申報、繳納和管理

1. 對於合格國內最低補足稅的規定，全球最低稅負制規定的資訊申報單、營業所得稅申報單附加因財務會計準則差異產生的差異的說明書之呈交期限以及額外營業所得稅繳納期限不遲於財務年度結束日後 12 個月。

2. 對於最低應課稅收入綜合的規定，全球最低稅負制規定的資訊申報單、營業所得稅申報單附加因財務會計準則差異產生的差異的說明書之呈交期限以及額外營業所得稅繳納期限不遲於跨國公司第一年財務年度結束日後 18 個月；不遲於隨後年份的財務年度結束日後 15 個月。

3. 報稅、納稅的組成單位的確定獲規定如下：

- a) 若跨國公司在越南有 01 個組成單位，則該組成單位應依全球最低稅負制呈交申報單及繳納額外營業所得稅；



b) 若跨國公司在越南擁有超過1個組成單位，則該跨國公司應在財務年度結束日後30天內發出書面通知，指定其中一個在越南的組成單位依全球最低稅負制呈交申報單及繳納集團的額外營業所得稅。

若財務年度結束後30天內，跨國公司未通知指定在越南的組成單位呈交申報單和納稅，則在通知截止日期之日起30天內，稅務機關制定在越南的組成單位呈交申報單和納稅；

c) 當發生導致申報納稅的組成單位發生變更的事件時，跨國公司有責任在事件發生之日起10天內通知稅務機關。超過上述期限，跨國公司未通知的，稅務機關自收到資訊之日起10日內通知、指定組成單位必須呈交申報單和納稅；

d) 稅務機關已按照本條第b點、第c點的規定通知、指定組成單位呈交申報單和納稅，且稅務機關收到導致呈交申報單和納稅的組成單位變更的事件資訊，則自收到資訊之日起10天內，稅務機關通知指定其他組成單位呈交申報單和納稅。

4. 依全球最低稅負制規定的額外營業所得稅上繳中央預算。

5. 確定本決議第2、4、5、6條規定的營業額和收入標準的外幣匯率為越南國家銀行公佈參考的營業額、收入產生年度上一年12月平均中心匯率。

6. 2026年12月31日及之前財務年度（但不包括2028年6月30日後結束的財務年度）過渡期內的責任減免規定如下：

a) 在過渡期內，若滿足下列條件之一，在一個國家的財務年度額外營業所得稅將被視為0（零）：

a.1) 跨國公司在該財務年度有合格的國別報告，財年總收入低於1000萬歐元，所得稅前利潤低於100萬歐元或虧損；

a.2) 在該財務年度內，跨國公司在該國的2023年和2024年的簡化有效稅率至少為15%；2025年為16%，2026年為17%；

a.3) 跨國公司在該國的所得稅前利潤（或虧損）等於或低於根據國別報告依居住在該國的組成單位的全球最低稅負制規定計算的與有形資產和勞動相關的收入扣除額；

b) 在過渡期間內，對於違反全球最低稅負制申報單、隨附因財務會計準則差異產生的差異的說明書之額外營業所得稅申報單之申報和呈交，不予以稅務行政處罰。

7. 被選定的組成單位採用簡單的計算方法確定額外應稅利潤、平均營業額和收入以及實際稅率是否符合責任減免標準。

8. 依本決議的規定繳納的額外營業所得稅稅額，在確定越南境內應納營業所得稅時，將與境外投資所收取的收入相對應抵扣。



9. 根據本條的規定、稅務管理法及相關法律規定，政府根據防止全球稅基侵蝕規定，對額外營業所得稅的稅務管理內容進行規範。

第七條：組織執行

1. 交給政府、各部門在各自職責範圍內負責組織、實施本決議規定的內容和政策；抓緊準備確保決議實施的必要條件；重點組織實施資訊自動交換多邊合作活動，服務全球最低稅負制的徵收；制定正式實施計畫規程、分公責任、組織機構和資源以及時滿足稅務機關的實施能力、作出提高納稅人的自願遵守的措施。

2. 國會常委會、民族議會和各國會委員會、國會代表團、國會代表、中央直轄省、市人民議會、越南祖國陣線及其成員組織，在各自職責範圍，監督本決議的實施。

第八條：實施條款

1. 本決議自2024年1月1日起生效，自2024年財務年度起適用。

政府根據《法律規範文件頒布法》的規定，緊急完成《營業所得稅法》（修正版）的資料，呈交國會常委會和國會審議並補充於2024年法律法令制定計劃。

2. 若本決議與國會其他法律、決議對同一問題有不同規定，則適用本決議的規定。

3. 本決議生效後，若稅基侵蝕與利潤移轉行動計劃對全球最低稅負制的規定作出指引、修改、補充，則政府規定具體實施內容；若有與本決議規定相抵觸的內容，則報告國會審議決定；若國會閉會期間內遇到緊急情況，則呈交國會常委會審議決定並在最近會議向國會報告。

本決議由越南社會主義共和國第十五屆國會第六次會議於2023年11月29日通過。

國會主席
(已簽名蓋章)

王廷惠

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 107/2023/QH15

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Điều 2. Người nộp thuế

1. Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao ít nhất 02 năm trong 04 năm liền kê trước năm tài chính tương đương 750 triệu euro (EUR) trở lên, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức của chính phủ;

b) Tổ chức quốc tế;

c) Tổ chức phi lợi nhuận;

d) Quỹ hưu trí;

đ) Quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao;

e) Tổ chức đầu tư bất động sản là công ty mẹ tối cao;

g) Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức quy

định từ điểm a đến điểm e khoản này.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu* là các quy định tại Nghị quyết này và các quy định của Chính phủ phù hợp với bộ quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu).

2. *Tập đoàn* là một trong các trường hợp sau đây:

a) Tập hợp các công ty, tổ chức có mối quan hệ liên kết thông qua việc sở hữu hoặc kiểm soát, theo đó các loại tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các công ty, tổ chức đó được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao và các công ty, tổ chức được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất do quy mô, yếu tố trọng yếu hoặc được nắm giữ để bán;

b) Một công ty cư trú tại một nước và có một hoặc nhiều cơ sở thường trú tại nước khác với điều kiện công ty đó không phải là một công ty, tổ chức của một tập đoàn khác.

3. *Tập đoàn đa quốc gia* là tập đoàn có ít nhất một đơn vị hợp thành hoặc một cơ sở thường trú không cư trú tại cùng nước với công ty mẹ tối cao.

4. *Công ty mẹ tối cao* là công ty thuộc tập đoàn đa quốc gia có quyền kiểm soát, quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại các công ty, tổ chức khác của một tập đoàn đa quốc gia, không bị kiểm soát, sở hữu bởi bất kỳ công ty, tổ chức nào khác và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao không được hợp nhất vào bất kỳ báo cáo tài chính của một công ty, tổ chức nào khác trên toàn cầu.

5. *Công ty mẹ trung gian* là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia (không phải là công ty mẹ tối cao, công ty mẹ bị sở hữu một phần, cơ sở thường trú hoặc công ty đầu tư) trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu trong một đơn vị hợp thành khác trong cùng tập đoàn đa quốc gia đó.

6. *Công ty mẹ bị sở hữu một phần* là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia (không phải là công ty mẹ tối cao, cơ sở thường trú hoặc công ty đầu tư) đồng thời đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu đơn vị hợp thành khác của tập đoàn đa quốc gia đó;

b) Có hơn 20% quyền hưởng lợi nhuận bị các công ty, tổ chức khác không phải đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp.

7. *Đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia* là bất kỳ công ty, tổ chức nào thuộc tập đoàn và bất kỳ cơ sở thường trú nào của một công ty, tổ chức thuộc tập đoàn, bao gồm:

a) Công ty mẹ tối cao;

b) Công ty mẹ trung gian (nếu có);

c) Công ty mẹ bị sở hữu một phần (nếu có);

d) Công ty, tổ chức, đơn vị, cơ sở kinh doanh khác thuộc tập đoàn.

8. *Nước đánh thuế thấp* là nước nơi mà tập đoàn đa quốc gia trong năm tài chính có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và có thuế suất thực tế trong năm tài chính đó thấp hơn thuế suất tối thiểu.

9. *Đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp* là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia cư trú tại nước đánh thuế thấp hoặc đơn vị hợp thành không quốc tịch mà trong năm tài chính có thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và có thuế suất thực tế trong năm tài chính đó thấp hơn thuế suất tối thiểu.

10. *Báo cáo tài chính hợp nhất* là:

a) Báo cáo tài chính do công ty lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, trong đó tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của công ty đó và các công ty khác mà công ty đó có quyền kiểm soát được trình bày dưới dạng báo cáo của một đơn vị kinh tế duy nhất;

b) Trong trường hợp công ty là tập đoàn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của công ty được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận;

c) Trong trường hợp công ty mẹ tối cao có báo cáo tài chính được quy định tại điểm a và điểm b khoản này không được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận thì báo cáo tài chính hợp nhất là những báo cáo tài chính được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu;

d) Trong trường hợp công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính được quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao là những báo cáo được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng, bao gồm chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính khác được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu.

11. *Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận* là chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Ca-na-đa, các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, các quốc gia thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Xinh-ga-po, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

12. *Chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng* là một tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được cơ quan kế toán có thẩm quyền tại nước nơi đơn vị hợp thành đặt trụ sở cho phép áp dụng.

13. *Thu nhập hoặc lỗ của mỗi đơn vị hợp thành* là thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính được xác định cho đơn vị hợp thành đó trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

14. *Doanh thu bình quân, thu nhập hoặc lỗ bình quân tại một nước* là giá trị trung bình 03 năm (gồm năm tài chính hiện tại và 02 năm trước liền kề) của doanh thu, thu nhập hoặc lỗ tại nước đó theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

15. *Doanh thu tại một nước trong năm tài chính* là tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

16. *Thu nhập hoặc lỗ tại một nước trong năm tài chính* là thu nhập ròng hoặc lỗ ròng tại nước đó theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

17. *Nơi cư trú* của một đơn vị hợp thành được xác định như sau:

a) Nếu đơn vị hợp thành là đối tượng cư trú về thuế tại một nước dựa trên nơi quản lý, nơi thành lập hoặc các tiêu chí tương tự thì đơn vị hợp thành đó được coi là cư trú tại nước đó;

b) Trong các trường hợp khác, đơn vị hợp thành được coi là cư trú tại nước mà đơn vị đó được thành lập.

Điều 4. Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

1. Đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong năm tài chính phải áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

Trường hợp đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành tại Việt Nam có thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và thuế suất thực tế tại Việt Nam dưới mức thuế suất tối thiểu thì thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều này.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định theo công thức sau đây:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận tính thuế bổ sung) + Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

3. Tỷ lệ thuế bổ sung được xác định theo công thức sau đây:

Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu - Thuế suất thực tế.

4. Thuế suất tối thiểu là 15%.

5. Thuế suất thực tế tại Việt Nam được tính cho mỗi năm tài chính và được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Thuế suất thực tế tại Việt Nam} = \frac{\text{Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam}}{\text{Thu nhập ròng tại Việt Nam trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu}}$$

6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo công thức sau đây:

Lợi nhuận tính thuế bổ sung = Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu - Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

7. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo công thức sau đây:

Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu = Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn

cầu của tất cả các đơn vị hợp thành - Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành.

8. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu khi xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung là giá trị bằng 5% tổng giá trị tài sản hữu hình trung bình hằng năm của tất cả các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và 5% tổng tiền lương của tất cả các đơn vị hợp thành tại Việt Nam theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không) trong một năm tài chính nếu đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành trong năm tài chính liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Doanh thu bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

b) Thu nhập bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam dưới 01 triệu EUR hoặc lỗ.

Hằng năm, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này, đơn vị hợp thành được lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn bằng 0 (không).

10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

1. Công ty mẹ tối cao, công ty mẹ bị sở hữu một phần, công ty mẹ trung gian tại Việt Nam là đơn vị hợp thành theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính phải khai và nộp thuế theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu bằng phần thuế phân bổ từ thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp ở nước ngoài trong năm tài chính, trừ trường hợp số thuế bổ sung này được nộp ở nước khác, nơi có quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu đạt chuẩn được ưu tiên áp dụng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu về thứ tự ưu tiên đánh thuế.

2. Tổng số thuế bổ sung tại một nước được xác định theo công thức sau đây:

Tổng số thuế bổ sung tại một nước = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận tính thuế bổ sung) + Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có) - Số thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (nếu có).

3. Tỷ lệ thuế bổ sung được xác định theo công thức sau đây:

Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu - Thuế suất thực tế.

4. Thuế suất tối thiểu là 15%.

5. Thuế suất thực tế tại một nước được tính cho mỗi năm tài chính và được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Thuế suất thực tế tại một nước} = \frac{\text{Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại nước đó thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp}}{\text{Lợi nhuận tính thuế bổ sung}}$$

thành tại nước đó

Thu nhập ròng tại nước đó trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị quyết này.

7. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị quyết này.

8. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu khi xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung là giá trị bằng 5% tổng giá trị tài sản hữu hình trung bình hằng năm của tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước và 5% tổng tiền lương của tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Số thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn là số tiền phải trả theo Quy định về thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại một nước khác trong năm tài chính.

10. Số thuế bổ sung của mỗi đơn vị hợp thành tại một nước có thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đã được đưa vào khi tính thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước đó được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành} = \text{Tổng số thuế bổ sung tại một nước} \times \frac{\text{Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành đó}}{\text{Tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó}}$$

11. Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp bằng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nhân với tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính} = \frac{\text{Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm} - \text{Thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ}}{\text{Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính}}$$

12. Số thuế bổ sung tại một nước sẽ được xác định bằng 0 (không) trong một năm tài chính nếu đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành trong năm tài chính liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Doanh thu bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước đó dưới 10 triệu EUR;

b) Thu nhập bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước đó dưới 01 triệu EUR hoặc 10.

Hằng năm, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này, đơn vị hợp thành được lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn bằng 0 (không).

13. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Kê khai, nộp thuế và quản lý thuế

1. Đối với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn, thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung kèm theo Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính và thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đối với quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu, thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung kèm theo Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính và thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung chậm nhất là 18 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với năm đầu tiên tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng; thời hạn chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với các năm tiếp theo.

3. Việc xác định đơn vị hợp thành kê khai, nộp thuế được quy định như sau:

a) Tập đoàn đa quốc gia có 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành đó thực hiện nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

b) Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có văn bản thông báo chỉ định một trong những đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của tập đoàn theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo, cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế;

c) Khi có sự kiện dẫn đến việc thay đổi đơn vị hợp thành nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện, tập đoàn đa quốc gia có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế. Quá thời hạn nêu trên mà tập đoàn đa quốc gia không thông báo thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin, cơ quan thuế thông báo chỉ định đơn vị hợp thành phải nộp tờ khai và nộp thuế;

d) Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo chỉ định đơn vị hợp thành phải nộp tờ khai và nộp thuế theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản này mà cơ quan thuế có thông tin về sự kiện dẫn đến việc thay đổi đơn vị hợp thành nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin, cơ quan thuế thông báo chỉ định đơn vị hợp thành khác phải nộp tờ khai và nộp thuế.

4. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được nộp vào ngân sách trung ương.

5. Tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng doanh thu, thu nhập quy định tại các điều 2, 4, 5 và 6 của Nghị quyết này là trung bình tỷ giá trung tâm của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

6. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn chuyển tiếp cho các năm tài chính từ ngày 31 tháng 12 năm 2026 trở về trước nhưng không bao gồm năm tài chính kết thúc sau ngày 30 tháng 6 năm 2028 được quy định

như sau:

a) Trong giai đoạn chuyển tiếp, số thuế bổ sung tại một quốc gia cho năm tài chính sẽ được coi là bằng 0 (không) khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a.1) Trong năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn mà tổng doanh thu dưới 10 triệu EUR và lợi nhuận trước thuế thu nhập dưới 01 triệu EUR hoặc lỗ tại quốc gia đó;

a.2) Trong năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có thuế suất thực tế đơn giản trong quốc gia đó tối thiểu bằng 15% cho năm 2023 và năm 2024; 16% cho năm 2025 và 17% cho năm 2026;

a.3) Lợi nhuận (hoặc lỗ) trước thuế thu nhập của tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia đó bằng hoặc thấp hơn khoản giảm trừ thu nhập gắn với tài sản hữu hình và lao động được tính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các đơn vị hợp thành cư trú tại quốc gia đó theo Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia;

b) Trong giai đoạn chuyển tiếp, không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với hành vi vi phạm về khai và nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung kèm theo Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính.

7. Đơn vị hợp thành được lựa chọn sử dụng phương pháp tính toán đơn giản để xác định việc đáp ứng các tiêu chí giảm trừ trách nhiệm đối với lợi nhuận tính thuế bổ sung, doanh thu và thu nhập bình quân, thuế suất thực tế.

8. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đã nộp theo quy định tại Nghị quyết này được bù trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam tương ứng đối với phần thu nhập nhận được do đầu tư ở nước ngoài.

9. Căn cứ quy định tại Điều này, Luật Quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan, Chính phủ quy định các nội dung về quản lý thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chính phủ, các Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính sách quy định tại Nghị quyết này; khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết; chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác đa phương về trao đổi thông tin tự động phục vụ việc thu thuế tối thiểu toàn cầu; xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai chính thức, phân công trách nhiệm, tổ chức bộ máy, nguồn lực để kịp thời đáp ứng năng lực thực hiện cho cơ quan thuế, có biện pháp nâng cao tuân thủ tự nguyện cho người nộp thuế.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Chính phủ khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu có hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thì Chính phủ quy định nội dung cụ thể để thực hiện; trường hợp có nội dung trái với quy định của Nghị quyết này thì báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp cấp bách trong thời gian Quốc hội không họp thì trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất./.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ